| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32 /2026/HNGĐ-ST
Ngày 19/01/2026.
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 616/2025/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 05/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/QĐST- HNGĐ ngày 24/12/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lữ Thị B, sinh năm 1973; địa chỉ: Số C khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1964; địa chỉ: Số C khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lữ Thị B trình bày:*Bà B và ông Lê Hoàng L đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là UBND xã M, tỉnh Đồng Tháp) ngày 11/5/2021. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau, vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hoàng L.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông L và bà B không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn ông Lê Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng, nhưng vắng mặt không lý do, đồng thời cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị B.*

*- Ngày 04/11/2025 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung giữa bà B, ông L tại khu phố H, phường T và được cung cấp như sau:* Địa phương không nắm được mâu thuẫn gia đình giữa bà B và ông L do địa phương không được đương sự báo để hòa giải.

*- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự để nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn giữa bà Lữ Thị B và ông Lê Hoàng L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng :

[1.1] Nguyên đơn bà Lữ Thị B khởi kiện tranh chấp ly hôn với ông Lê Hoàng L đang cư trú tại 3 khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; bị đơn ông L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 207, 227 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lữ Thị B và ông Lê Hoàng L đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 11/5/2021, nên hôn nhân giữa bà B và ông L là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng bà Lữ Thị B xác định: Sau thời gian chung giữa bà B và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình. Bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hoàng L.

[2.3] Xét, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích trên vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Bà B xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông L đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên tòa trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không thể hiện ý muốn hòa giải đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà B, ông L thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà B yêu cầu được ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về nuôi con chung: Bà B và ông L không có con chung.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Án phí sơ thẩm : Bà Lữ Thị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lữ Thị B đối với bị đơn ông Lê Hoàng L về việc tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lữ Thị B được ly hôn với ông Lê Hoàng L (theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 11 tháng 05 năm 2021).

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lữ Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0031132 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố H.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 16, TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 16, TP.HCM;
- UBND xã Mỹ Lợi B, tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**Vũ Linh**